

I- BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

NỘI DUNG	SỐ ĐẦU NĂM	SỐ CUỐI KỲ
I. Tài sản ngắn hạn		164 329 165 421
1. Tiền và các khoản tương đương tiền		99 766 546 499
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		49 739 656 000
3. Các khoản phải thu ngắn hạn		14 696 930 324
4. Hàng tồn kho		83 238 582
5. Tài sản ngắn hạn khác		42 794 016
II. Tài sản dài hạn		17 771 935 864
1. Các khoản phải thu dài hạn		
2. Tài sản cố định		7 705 375 444
2.1 TSCĐ hữu hình		6 199 392 169
2.2 TSCĐ vô hình		1 505 983 275
2.3 TSCĐ thuê tài chính		
2.4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
3. Bất động sản đầu tư		
4 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		
5. Tài sản dài hạn khác		10 066 560 420
III. TỔNG CỘNG TÀI SẢN (250=100+200)		182 101 101 285
IV.Nợ phải trả		18 481 249 337
1. Nợ ngắn hạn		18 481 249 337
2. Nợ dài hạn		
V. Vốn chủ sở hữu		163 619 851 948
1. Vốn chủ sở hữu		160 000 000 000
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
-Thặng dư vốn cổ phần		
-Vốn khác của chủ sở hữu		
-Cổ phiếu quỹ		
-Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
-Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
-Các quỹ		
-Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		3 619 851 948
-Nguồn vốn đầu tư XDCB		
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác		
-Quỹ khen thưởng phúc lợi		
-Nguồn kinh phí		
-Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
VI. TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		182 101 101 285

II. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

CHỈ TIÊU	KỶ NÀY	KỶ TRƯỚC
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5 095 208 278	23 126 254 391
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	5 095 208 278	23 126 254 391
4. Giá vốn hàng bán	285 280 379	4 937 464 808
5. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4 809 927 899	18 188 789 583
6. Doanh thu hoạt động tài chính		
7. Chi phí tài chính		
8. Chi phí bán hàng		
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	4 714 935 711	13 177 597 988
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	94 992 188	5 011 191 595
11. Thu nhập khác		11 794 000
12. Chi phí khác		
13. Lợi nhuận khác		
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	94 992 188	5 022 985 595
15. Thuế thu nhập doanh nghiệp	16 623 633	1 403 133 647
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	78 368 555	3 619 851 948
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.9	226.24

III- CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ trước	Kỳ báo cáo
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản dài hạn/Tổng Tài sản	%		9.76%
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng Tài sản			90.24%
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%		10.15%
	-Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn			89.85%
3	-Khả năng thanh toán			
	-Khả năng thanh toán nhanh	Lần		6.2
	-Khả năng thanh toán hiện hành	Lần		6.2
4	Tỷ suất lợi nhuận			
	-Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%		1.99%
	-Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần			15.65%
	-Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu			2.21%

Ngày 14 tháng 4 năm 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Anh

Nguyễn Ngọc Dung